

**BỘ TÀI CHÍNH –
BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 89/2016/TTLT-BTC-BCT

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 26/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 02 năm 2007 Quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia theo quy định tại Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014 và Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với các nội dung sau:

1. Quy định về Danh mục các thủ tục hành chính áp dụng Cơ chế một cửa quốc gia (sau đây gọi tắt là thủ tục hành chính một cửa) bao gồm:

a) Thủ tục hành chính một cửa của Bộ Tài chính quy định tại Phụ lục I Thông tư liên tịch này;

b) Thủ tục hành chính một cửa của Bộ Công Thương quy định tại Phụ lục II Thông tư liên tịch này.

2. Quy định về quy trình khai và tiếp nhận thông tin khai bằng phương tiện điện tử; các chứng từ điện tử được sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa tại khoản 1 Điều này.

3. Quy định về cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục hành chính một cửa quy định tại khoản 1 Điều này giữa Bộ Tài chính và Bộ Công Thương.

4. Quy định về Cổng thông tin một cửa quốc gia.

5. Những vấn đề khác liên quan tới các thủ tục hành chính một cửa thuộc khoản 1 Điều này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Bộ Công Thương có chức năng xử lý, cấp phép đối với các thủ tục hành chính một cửa quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch này.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa lựa chọn phương thức thực hiện các thủ tục hành chính một cửa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư liên tịch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Chứng từ hành chính một cửa** là thông tin được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. **Cơ quan xử lý thủ tục hành chính một cửa** là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Bộ Công Thương có chức năng xử lý, cấp phép đối với các thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch này (sau đây gọi là cơ quan xử lý).

3. **Người khai** là tổ chức hoặc cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính một cửa theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch này.

4. **Người sử dụng hệ thống** là các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư liên tịch này được phép truy cập vào Cổng thông tin một cửa quốc gia.

5. **Thông tin bí mật** là những thông tin do người sử dụng hệ thống tạo lập và xác định thông tin đó là “mật” theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Thương mại và các luật, quy định khác có liên quan.

6. **Cổng thông tin một cửa quốc gia** theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 08 /2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ là một hệ thống thông tin tích hợp bao gồm hệ thống thông quan của cơ quan hải quan, hệ thống thông tin của Bộ Công Thương (sau đây gọi là các hệ thống xử lý chuyên ngành).

7. **Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia** là Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính.

Điều 4. Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia

1. Các thủ tục hành chính một cửa và việc trao đổi thông tin giữa các cơ quan xử lý thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia được thực hiện như sau:

a) Người khai, các cơ quan xử lý gửi thông tin về thủ tục hành chính một cửa tới Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận và chuyển tiếp thông tin đến các hệ thống xử lý chuyên ngành;

c) Các cơ quan xử lý tiếp nhận, xử lý thông tin, phản hồi trạng thái tiếp nhận/xử lý, trả kết quả xử lý tới Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi trạng thái tiếp nhận/xử lý, trả kết quả xử lý thông tin tới người khai và hệ thống xử lý chuyên ngành có liên quan.

2. Việc ra quyết định trên Cơ chế một cửa quốc gia được thực hiện như sau:

a. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công thực hiện thủ tục cấp giấy phép, giấy chứng nhận đối với các thủ tục hành chính một cửa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch này đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân và gửi giấy phép, giấy chứng nhận hoặc kết quả xử lý khác tới cơ quan hải quan và người khai hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Cơ quan hải quan ra quyết định cuối cùng về việc thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên cơ sở giấy phép và các kết quả xử lý của cơ

quan xử lý được chuyển tới hệ thống thông quan của cơ quan hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 5. Các giao dịch điện tử trên Cơ chế một cửa quốc gia

Các giao dịch điện tử trên Cơ chế một cửa quốc gia (giao dịch điện tử) bao gồm:

1. Khai, nhận phản hồi thông tin về việc xử lý hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính một cửa trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Tiếp nhận và chuyển thông tin khai từ Cổng thông tin một cửa quốc gia tới các hệ thống xử lý chuyên ngành.

3. Nhận kết quả xử lý từ các hệ thống xử lý chuyên ngành tới Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Trao đổi thông tin giữa các hệ thống xử lý chuyên ngành thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 6. Chứng từ hành chính một cửa

1. Chứng từ điện tử gồm:

a) Thông tin khai dưới các hình thức: tờ khai, đơn đăng ký, đăng ký, xác nhận đăng ký hoặc loại khác để thực hiện thủ tục hành chính trong danh mục các thủ tục hành chính một cửa;

b) Kết quả xử lý của cơ quan xử lý dưới các hình thức: quyết định thông quan, giải phóng hàng hoặc đưa hàng hóa về bảo quản, giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận hoặc kết quả xử lý khác tương ứng với thủ tục hành chính trong danh mục các chứng từ điện tử quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

2. Giá trị pháp lý của chứng từ điện tử:

a) Chứng từ điện tử có giá trị để làm thủ tục với các cơ quan quản lý nhà nước như chính chứng từ đó thể hiện ở dạng văn bản giấy;

b) Chứng từ điện tử phải được lập theo đúng tiêu chí, định dạng mẫu của các Bộ đối với các thủ tục hành chính một cửa tại Phụ lục I và Phụ lục II Thông tư liên tịch này;

c) Việc gửi, nhận, lưu trữ và giá trị pháp lý của chứng từ điện tử được thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Chứng từ điện tử phải đáp ứng đủ các yêu cầu của pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính một cửa;

đ) Chứng từ điện tử phải có chữ ký số của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính một cửa (trong trường hợp người khai đăng ký sử dụng chữ ký số).

3. Hình thức, nội dung, phương thức nộp, xuất trình của các chứng từ khác trong hồ sơ để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa tuân thủ các quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành đối với thủ tục hành chính đó.

Điều 7. Chuyển đổi chứng từ giấy sang chứng từ điện tử và ngược lại

1. Chứng từ điện tử được khai báo hoặc xuất trình với các cơ quan quản lý nhà nước theo Cơ chế một cửa quốc gia có thể được chuyển đổi từ chứng từ giấy nếu đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Phản ánh toàn vẹn nội dung của chứng từ giấy;
- b) Có chữ ký số đã đăng ký với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia của người khai trên chứng từ điện tử được chuyển đổi từ chứng từ giấy.

2. Chứng từ giấy có thể được chuyển đổi từ chứng từ điện tử được cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia nếu đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Phản ánh toàn vẹn nội dung của chứng từ điện tử;
- b) Có dấu hiệu nhận biết trên chứng từ giấy được chuyển đổi từ chứng từ điện tử được in ra từ Cổng thông tin một cửa quốc gia. Dấu hiệu nhận biết gồm các thông tin thể hiện chứng từ đã được ký số bởi cơ quan cấp phép hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia, tên và địa chỉ email và/hoặc điện thoại liên hệ của cơ quan ký, thời gian ký số. Dấu hiệu nhận biết do Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia công bố tại địa chỉ: <https://vnsw.gov.vn>;
- c) Có chữ ký, họ tên và con dấu hợp pháp của người khai trên chứng từ giấy được chuyển đổi từ chứng từ điện tử.

3. Người khai phải lưu giữ chứng từ điện tử và chứng từ giấy theo quy định.

Điều 8. Đăng ký tài khoản người sử dụng hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Người khai thực hiện việc đăng ký tài khoản người sử dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia như sau:

a) Người khai truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <https://vnsw.gov.vn> và thực hiện đăng ký thông tin hồ sơ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo các thông tin tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 01 ngày làm việc từ khi tiếp nhận thông tin hồ sơ người khai đăng ký trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin của người khai. Trường hợp không chấp thuận hồ sơ hoặc hồ sơ chưa đầy đủ, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia có trách nhiệm thông báo qua thư điện tử (có nêu rõ lý do) tới người khai. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đáp ứng đủ điều kiện, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thông báo chấp nhận hồ sơ, tên tài khoản truy cập và mật khẩu truy cập ban đầu của người khai thông qua thư điện tử đã đăng ký;

b) Sau khi cấp mới tài khoản người khai, Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện gửi thông tin tài khoản người khai mới tới các hệ thống xử lý chuyên ngành tương ứng.